

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TRÀ VINH**

Số: 1227/UBND- KTKT

V/v báo cáo kết quả thực hiện  
Nghị quyết số 04-NQ/TU  
ngày 04/10/2011 gắn Kế  
hoạch số 16-KH/TU ngày  
04/5/2016 của Tỉnh ủy

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Trà Vinh, ngày 07 tháng 5 năm 2020

Kính gửi:

- Trưởng phòng Kinh tế thành phố;
- Chủ tịch UBND xã Long Đức

Thực hiện Công văn số 753/SNN-VPĐP, ngày 05/05/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh về báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 04/10/2011 gắn Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04/5/2016 của Tỉnh ủy (đính kèm văn bản),

**Chủ tịch UBND thành phố Trà Vinh có ý kiến chỉ đạo như sau:**

1. Giao Chủ tịch UBND xã Long Đức phối hợp các đơn vị có liên quan rà soát, báo cáo báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 4-10-2011 gắn Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 4-5-2016 của Tỉnh ủy. Báo cáo gửi về phòng Kinh tế thành phố để tổng hợp **trước ngày 08/6/2020**.

2. Giao Trưởng phòng Kinh tế theo dõi, đôn đốc các đơn vị và tổng hợp, dự thảo báo cáo trình Ủy Ban nhân dân thành phố ký ban hành theo đúng thời gian quy định. Dự thảo Báo cáo gửi về Văn phòng Thành ủy và HĐND-UBND thành phố **trước ngày 14/6/2020**.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo, đề xuất Chủ tịch UBND thành phố xử lý theo thẩm quyền. /.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Trang tin điện tử;
- BLD.VP, khối KT;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**  
  
**Đương Hiền Hải Đăng**

Số: 753 /SNN-VPĐP  
V/v báo cáo kết quả thực hiện Nghị  
quyết số 04-NQ/TU ngày 4/10/2011  
gắn với Kế hoạch số 16-KH/TU  
ngày 04/5/2016 của Tỉnh ủy

Trà Vinh, ngày 05 tháng 5 năm 2020

Kính gửi:

- Lãnh đạo các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 21/UBND-THNV ngày 03/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện các nội dung theo nhiệm vụ được phân công.

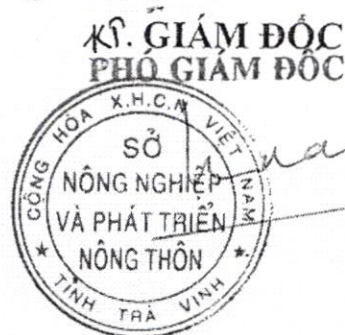
Nhằm thực hiện tốt công tác tổng kết, báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 04/10/2011 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 gắn với Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020 và xây dựng dự thảo nội dung Nghị quyết về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các Sở, Ban, ngành tỉnh và địa phương báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết gắn với Kế hoạch giai đoạn 2011 - 2020 (theo đề cương đính kèm).

Báo cáo bằng bản ký và file mềm gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) chậm nhất đến hết ngày **15/6/2020** để tổng hợp và báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh. Địa chỉ gửi báo cáo: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Trà Vinh, số 109, Phạm Ngũ Lão, Phường 1, Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Email: [vanphongdieuphoitv@gmail.com](mailto:vanphongdieuphoitv@gmail.com).

*Ghi chú: Các đơn vị vui lòng truy cập vào địa chỉ mail: [tailieuntm09@gmail.com](mailto:tailieuntm09@gmail.com), password: Travinh84, để tải file mềm đề cương và phụ lục báo cáo. Đối với đơn vị nào không gửi báo cáo đúng theo nội dung Đề cương hướng dẫn và thời gian quy định nêu trên, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh sẽ cập nhật và báo cáo Trưởng ban Chỉ đạo tỉnh./.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng BCD tỉnh (b/c);
- GD và PGD Lê Văn Đông;
- VPĐP NTM;
- Lưu: VT.



Lê Văn Đông

## **ĐỀ CƯƠNG**

*(Đối với huyện, thị xã, thành phố)*

Báo cáo Tổng kết Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 04/10/2011 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020

gắn với Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04/5/2016 của Ban Thường vụ

Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

Nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020

*(Kèm theo Công văn số 753/SNN ngày 05 / 5 /2020 của Sở Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn)*

### **I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

### **II. CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT, KẾ HOẠCH**

1. Công tác tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết, Kế hoạch

Hình thức quán triệt, triển khai Nghị quyết, Kế hoạch.

2. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch

- Việc ban hành kế hoạch, chương trình... để cụ thể hóa việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch *(liệt kê các văn bản của cấp huyện)*.

- Việc tổ chức cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Nghị quyết, Kế hoạch thuộc phạm vi, trách nhiệm địa phương.

3. Công tác thông tin, tuyên truyền Nghị quyết, Kế hoạch

4. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT, KẾ HOẠCH**

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết, Kế hoạch *(so sánh với chỉ tiêu Nghị quyết, Kế hoạch đề ra)*.

a) Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới:

Kết quả chung tính đến thời điểm báo cáo; so sánh với xuất phát điểm năm 2011, kết thúc giai đoạn 1 (năm 2015) và đánh giá khả năng hoàn thành mục tiêu đến cuối năm 2020, cụ thể:

- Số hộ được công nhận nông thôn mới.
- Số ấp được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.
- Số tiêu chí bình quân/xã *(đối với cấp huyện)*.
- Số xã dưới 10 tiêu chí.

b) Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao của Chương trình:

- Số xã đạt nông thôn mới nâng cao.
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- Số ấp nông thôn mới kiểu mẫu,...

## **2. Kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới**

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh, đề nghị đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, trong đó, với mỗi tiêu chí trong từng nhóm đề nghị nêu kết quả đạt được đến thời điểm báo cáo, có so sánh với thời điểm bắt đầu thực hiện (12/2010) và kết thúc giai đoạn 1 (12/2015). Những thuận lợi, khó khăn và hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện các tiêu chí.

**3. Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới** (theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh), phản ánh theo từng tiêu chí huyện nông thôn mới (Kết quả thực hiện các tiêu chí, khối lượng hoàn thành các chỉ tiêu cụ thể; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện..).

**4. Kết quả chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.**

**5. Kết quả chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá, chọn sản phẩm chủ lực của địa phương** (theo Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 15/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực đến năm 2030 của tỉnh Trà Vinh).

**6. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.**

## **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Đánh giá toàn diện kết quả thực hiện và tác động của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, trong đó, tập trung đánh giá những mặt được, chưa được, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm triển khai thực hiện Chương trình, trong đó chú trọng vào những nội dung:

- Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2010-2020:

+ Đánh giá hoạt động quản lý, điều hành và tổ chức, bộ máy tham mưu chỉ đạo, tham mưu thực hiện Chương trình; công tác điều phối, phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong quá trình quản lý, điều hành tổ chức triển khai Chương trình;

+ Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của chương trình, làm rõ những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện;

+ Đánh giá những kết quả nổi bật của giai đoạn 2016-2020 so với giai đoạn 2010-2015 (Cơ chế chính sách, công tác chỉ đạo điều hành ở các cấp, huy

động nguồn lực, sự hài lòng của người dân..), nhất là những điểm mới, những nội dung có tính chất đột phá nhằm nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu của chương trình...;

+ Đánh giá những kết quả phát động các Phong trào thi đua trong phát huy dân chủ, huy động nguồn lực và kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện ở cơ sở.

+ Đánh giá tác động của chương trình gồm: tác động kinh tế - xã hội; tính bền vững, tác động tới các đối tượng thụ hưởng, tác động lan tỏa của Chương trình...;

**V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM** (Bài học rút những bài học kinh nghiệm qua 10 năm thực hiện và đề xuất khuyến nghị cần thiết để duy trì kết quả đạt được của chương trình...)

## **VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

### **1. Quan điểm**

Căn cứ kết quả đạt được sau 10 năm, yêu cầu thúc đẩy xây dựng nông thôn mới sau năm 2020, đồng thời tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt trong giai đoạn đầu (2010-2020) đảm bảo thực sự nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, hướng tới hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh.

### **2. Mục tiêu**

#### **2.1. Mục tiêu tổng quát:**

#### **2.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Về địa phương đạt chuẩn nông thôn mới (huyện, xã, thôn) đạt chuẩn; địa phương đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định của Trung ương
- Tỷ lệ đạt tiêu chí nông thôn mới theo quy định của Trung ương
- Các chỉ tiêu tác động trực tiếp đến đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực nông thôn; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch...)

### **3. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để thực hiện**

- Tập trung đề xuất nội dung, giải pháp thực hiện, đặc biệt là những nội dung, giải pháp để tiếp tục nâng cao chất lượng, đảm bảo tính bền vững của Chương trình;
- Cơ chế chính sách huy động nguồn lực,
- Đề xuất phương hướng kiện toàn bộ máy, tổ chức tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo và triển khai thực hiện chương trình ở các cấp trong giai đoạn sau năm 2020 theo hướng chuyên nghiệp, đồng bộ và hiệu quả;
- Phát động phong trào thi đua để huy động các nguồn lực và người dẫn

tham gia thực hiện Chương trình.

.....

.....

#### **4. Dự kiến nguồn lực và khả năng huy động nguồn lực thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2021-2025**

**4.1. Dự kiến tổng nhu cầu vốn để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2021-2025**, bao gồm: Ngân sách Nhà nước (Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp; khả năng đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định); Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; Vốn tín dụng; Vốn doanh nghiệp; Vốn huy động từ người dân và cộng đồng.

#### **4.2. Dự kiến khả năng huy động các nguồn lực.**

### **VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Đề nghị làm rõ đề xuất, kiến nghị cụ thể với Trung ương, tỉnh,... nhằm kịp thời xử lý những vấn đề cấp thiết, góp phần nâng cao hiệu quả và tiến độ thực hiện Chương trình; định hướng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn tiếp theo (2021-2025)/.

## ĐỀ CƯƠNG

(Đối với Sở, Ban, ngành tỉnh)

Báo cáo Tổng kết Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 04/10/2011 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020 gắn với Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020  
(Kèm theo Công văn số 753/SNN ngày 05/5/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

### I. Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch:

#### 1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

1.1. Việc ban hành các văn bản của Sở, ban ngành trong tham gia thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

1.2. Công tác tổ chức và hoạt động của Sở, ban ngành trong tham gia Chương trình xây dựng nông thôn mới

#### 2. Công tác tuyên truyền, vận động của Sở, ban ngành tham gia Chương trình:

3. Công tác đào tạo, tập huấn lĩnh vực Sở, ban ngành phụ trách gắn với xây dựng nông thôn mới:

#### 4. Kết quả đầu tư các chương trình, dự án, để thực hiện các tiêu chí nông thôn mới có liên quan Sở, ban ngành phụ trách:

Nêu cụ thể các công trình, dự án đã, đang triển khai, địa điểm, nguồn vốn, tổng kinh phí (Trung ương, địa phương), tiến độ thực hiện tính đến thời điểm hiện nay.

#### 5. Kết quả thực hiện tiêu chí do Sở, ban ngành phụ trách:

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí của Sở, ban ngành phụ trách trên địa bàn 85 xã (Kèm theo bảng phụ lục tiêu chí để đối chiếu với các huyện).

#### 6. Đánh giá thuận lợi, khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong việc tham gia thực hiện Chương trình:

### II. Kế hoạch Sở, ban ngành tham gia hỗ trợ triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025:

\*Ghi chú: Đề nghị các Sở, ngành đính kèm thêm bảng phụ lục các số liệu có liên quan đến tiêu chí phụ trách.